

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TML22B5**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH02227**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh chuyên ngành**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2255202052057	Nguyễn Phạm Quốc	Anh	30/12/2006				10	8.0	8.5			8.4		8.5
2	2255202052058	Lý Thành	Đạt	27/10/2007				6	5.0	4.5			0.0	0.0	2.0
3	2255202052060	Nguyễn Văn	Hiên	07/06/2007				10	7.0	5.0			6.0		6.3
4	2255202052061	Nguyễn Hữu	Hiệu	05/11/2007				10	4.5	3.5			8.6		7.2
5	2255202052062	Trần Trọng	Lễ	03/04/2007				8	6.5	6.8			9.2		8.3
6	2255202052063	Phạm Thành	Nam	08/08/2006				9	5.5	4.8			9.8		8.2
7	2255202052065	Trương Văn	Nghiêm	08/04/2006				10	5.0	5.3			9.6		8.2
8	2255202052066	Phạm Văn	Giàu	01/12/2004				10	9.0	9.8			9.4		9.4
9	2255202052067	Nguyễn Thanh	Phú	23/12/2000				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
10	2255202052068	Phạm Nguyễn Việt	Phú	22/03/2004				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
11	2255202052069	Nguyễn Phú	Quý	15/02/2007				9	5.5	7.3			9.8		8.6
12	2255202052070	Nguyễn Duy	Tân	13/05/2007				8	4.5	4.3			6.6		6.0
13	2255202052071	Nguyễn Hữu	Thái	28/03/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
14	2255202052072	Nguyễn Văn	Thái	10/11/2007				10	6.0	5.3			6.4		6.4
15	2255202052075	Phạm Trí	Tính	01/01/2007				10	6.5	7.0			7.8		7.6
16	2255202052077	Bùi Quốc	Toàn	02/07/2005				5	6.5	5.0			9.6		8.0
17	2255202052078	Lê Minh	Triết	11/02/2007				8	4.0	7.3			6.8		6.5
18	2255202052079	Nguyễn Trọng	Vân	22/04/2004				9	4.5	6.8			8.8		7.8
19	2255202052080	Lê Quốc	Việt	01/03/2004				10	10.0	10.0			10.0		10.0
20	2255202052081	Nguyễn Văn	Vĩnh	19/09/2007				9	6.5	5.0			0.0	0.0	2.6
21	2255202052201	Phan Công	Lý	28/11/2006				10	6.5	8.0			9.8		9.0

Châu Đốc, ngày 18 tháng 7 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh